

PHỤ LỤC I
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: THCS HÙNG VƯƠNG
TỔ: TOÁN – TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: TOÁN, LỚP 7
(Năm học 2023 - 2024)

Công văn số 3899/BGDĐT-GDTrH ngày 03/8/2023 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục trung học năm học 2023-2024 (gọi tắt là Công văn 3899);

Căn cứ Công văn số 1387/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 25/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình giáo dục trung học năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Công văn số 284 /PGDĐT-THCS, ngày 7 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TX Buôn Hồ về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình giáo THCS năm học 2023-2024;

Thực hiện Kế hoạch số /KH-HV, ngày tháng 9 năm 2023 của Trường THCS Hùng Vương về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2023-2024;

Căn cứ vào tình hình thực tế. Tổ bộ môn Toán - Tin xây dựng Kế hoạch giáo dục bộ môn Toán năm học 2023-2024 như sau:

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 4 ; Số học sinh ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 0

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 2 ; Trình độ đào tạo: Đại học.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 0 ; Khá: 2 ; Đạt: 0; Chưa đạt:0.

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/Thực hành | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|----------|-------------------------------------|---------|
| 1 | Compa | 3 | Bài 2, 4 (Chương 5) | |
| 2 | Thước thẳng | 1 | Chương 3, 4, 8. | |
| 3 | Thước đo góc | 1 | Chương 4. | |
| 4 | Giác kế | 6 | Bài 8 (Chương 8) | |
| 5 | Kéo cắt giấy | 6 | Bài 5- Chương 3; bài 10 – chương 8. | |
| 6 | Máy tính Casio | 1 | Chương 1, 2, 6, 7. | |
| 7 | Bộ thiết bị dạy thống kê, xác suất | 6 | Chương 9. | |
| 8 | Máy chiếu | 2 | Chương 1-9 | |

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
|-----|-----------|----------|-----------------------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

PHẦN SỐ VÀ ĐẠI SỐ (63 TIẾT)

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|--------------------------------------|---------|---------|-----------------|
| HỌC KỲ 1 (30 tiết) | | | |
| Chương 1: SỐ HỮU TỈ (16 tiết) | | | |

| | | | |
|---|---|---|--|
| 1 | Bài 1: Tập hợp các số hữu tỉ | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. - Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ \mathbb{Q}. - Biểu diễn được một số hữu tỉ trên trục số. - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. So sánh được hai số hữu tỉ. |
| 2 | Bài 2: Các phép tính với số hữu tỉ | 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp các số hữu tỉ. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng của các số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia hai số hữu tỉ. |
| 3 | Bài 3: Lũy thừa của một số hữu tỉ | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó. - Vận dụng được các phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ trong tính toán và giải quyết một số vấn đề thực tiễn. |
| 4 | Bài 4: Quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. - Vận dụng được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ để tính toán hợp lí. |

| | | | |
|------------------------------------|---|----------|---|
| 5 | Bài 5: Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Thực hành tính tiền điện | 1 | - Vận dụng kiến thức về số hữu tỉ vào việc tính tiền điện và thuế giá trị gia tăng (GTGT) với các trường hợp đơn giản. |
| 6 | Bài tập cuối chương 1 | 3 | - Học sinh vận dụng các kiến thức đã học trong chương 1 giải quyết được một số bài tập cơ bản và thực tiễn. |
| 7 | Kiểm tra giữa học kỳ I (cả Hình học và đại số). | 1 | - Hệ thống lại cho HS các kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 8 (cả Hình học và đại số). |
| Chương 2: SỐ THỰC (14 tiết) | | | |
| 8 | Bài 1: Số vô tỉ. Căn bậc hai số học | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. - Nhận biết được số vô tỉ. - Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm. - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay. |
| 9 | Bài 2: Số thực. Giá trị tuyệt đối của một số thực. | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được số thực và tập hợp các số thực. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. - Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. - Nhận biết được số đối của một số thực. - Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực. |
| 10 | Bài 3: Làm tròn số và ước lượng kết quả | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được ý nghĩa của việc ước lượng và làm tròn số. - Thực hiện được làm tròn số thập phân. - Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước. - Biết sử dụng máy tính cầm tay để ước lượng và làm tròn số. |

| | | | |
|--|---|---|--|
| 11 | Bài 4: Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Tính chỉ số đánh giá thể trạng BMI (Body mass index) | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức về số thập phân và làm tròn số để tính chỉ số BMI. - HS trải nghiệm tìm chỉ số cho biết thể trạng. - Có ý thức tự rèn luyện thân thể và bảo vệ sức khỏe. - Phát triển năng lực tính toán và làm tròn số thực của học sinh. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đo lường và làm tròn số vào thực tiễn tính chỉ số BMI. |
| 12 | Bài tập cuối chương 2 | 1 | - Học sinh vận dụng các kiến thức đã học trong chương 2 giải quyết được một số bài tập cơ bản và thực tiễn. |
| 13 | Ôn tập cuối học kì I | 1 | - Hệ thống lại cho học sinh các kiến thức và các dạng bài tập cơ bản đã học trong chương học kì 1. |
| 14 | Kiểm tra cuối học kì I (Cả Đại số, Hình học và Một số yếu tố thống kê và xác suất) | 1 | - Hệ thống lại cho HS các kiến thức đã học trong HKI (Cả Đại số, Hình học và Một số yếu tố thống kê và xác suất) |
| HỌC KỲ 2 (33 tiết) | | | |
| Chương 6: CÁC ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ (14 tiết) | | | |
| 15 | Bài 1: Tỉ lệ thức – Dãy tỉ số bằng nhau | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tỉ lệ thức và tính chất của tỉ lệ thức. - Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau. - Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán. |
| 16 | Bài 2: Đại lượng tỉ lệ thuận | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các đại lượng tỉ lệ thuận. - Nhận biết được các tính chất cơ bản của đại lượng tỉ lệ thuận. - Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận. |
| 17 | Bài 3: Đại lượng tỉ lệ nghịch | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các đại lượng tỉ lệ nghịch. - Nhận biết được các tính chất cơ bản của đại lượng tỉ lệ nghịch. |

| | | | |
|---|--|---|---|
| | | | - Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch (ví dụ: bài toán về thời gian hoàn thành kế hoạch và năng suất lao động, ...). |
| 18 | Bài 4: Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Các đại lượng tỉ lệ trong thực tế | 1 | - Vận dụng kiến thức các đại lượng tỉ lệ để nhận biết các đại lượng tỉ lệ thuận và tỉ lệ nghịch trong thực tế. - Ôn tập và củng cố các tính chất cơ bản của các đại lượng tỉ lệ. |
| 19 | Bài tập cuối chương 6 | 3 | - Học sinh vận dụng các kiến thức đã học trong chương 6 giải quyết được một số bài tập cơ bản và thực tiễn. |
| 20 | Kiểm tra giữa học kỳ II (cả Hình học và đại số). | 1 | - Hệ thống lại cho HS các kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 26 (cả Hình học và đại số). |
| Chương 7: BIỂU THỨC ĐẠI SỐ (19 tiết) | | | |
| 21 | Bài 1: Biểu thức số, biểu thức đại số | 3 | - Nhận biết được biểu thức số, biểu thức đại số. - Biết cách viết gọn một biểu thức đại số. - Biết cách dùng tính chất và quy tắc phép toán trên các chữ. - Tính được giá trị của một biểu thức đại số. |
| 22 | Bài 2: Đa thức một biến | 4 | - Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến và cách biểu diễn đa thức một biến. - Xác định được bậc và các hệ số của đa thức một biến. - Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. - Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến. |
| 23 | Bài 3: Phép cộng và phép trừ đa thức một biến. | 3 | - Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được các tính chất của các phép tính đó trong tính toán. |

| | | | |
|-----------|--|----------|--|
| 24 | Bài 4: Phép nhân và phép chia đa thức một biến | 4 | - Thực hiện được các phép tính: phép nhân, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán. |
| 25 | Bài 5: Hoạt động thực hành và trải nghiệm: cách tính điểm trung bình môn học kì. | 1 | - Học sinh biết cách dùng kiến thức đã học về biểu thức đại số để tự tính điểm trung bình môn học kì của mình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |
| 26 | Bài tập cuối chương 7 | 1 | - Hệ thống lại kiến thức học sinh đã học trong chương 7. |
| 27 | Ôn tập cuối năm | 1 | - Hệ thống lại cho học sinh các kiến thức và các dạng bài tập cơ bản đã học trong học kỳ II. |
| 28 | Kiểm tra cuối năm (cả số học , Hình học và Một số yếu tố xác suất). | 2 | - Hệ thống lại cho HS các kiến thức đã học trong học kỳ II (cả số học , Hình học và Một số yếu tố xác suất). |

PHẦN HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (57 TIẾT)

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|---|--|---------|--|
| HỌC KỲ 1 (30 tiết) | | | |
| HÌNH HỌC TRỰC QUAN Chương 3: CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN (12 tiết) | | | |
| 1 | Bài 1: Hình hộp chữ nhật – Hình lập phương | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được các yếu tố cơ bản: đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương. - Giải quyết các vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. |
| 2 | Bài 2: Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại công thức tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. |
| 3 | Bài 3: Hình lăng trụ đứng tam giác – Hình lăng trụ đứng tứ giác | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. - Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. |
| 4 | Bài 4: Diện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. |
| 5 | Bài 5: Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Các bài toán đo đạc và gấp hình | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành tính diện tích bề mặt và thể tích một số hình trong thực tiễn. - Biết cách thực hiện một số dự án gồm các bước: chuẩn bị, thực hiện, báo cáo tổng kết. - Biết cách ước lượng rồi so sánh với số đo thực tế. |

| | | | |
|---|--|---|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách ghi chép bài thực hành cho hợp lí và khoa học. - Biết cách cắt dán rồi xếp các chiếc hộp không những đúng mà còn tiện dụng và đẹp. |
| 6 | Bài tập cuối chương 3 | 2 | - Hệ thống lại kiến thức học sinh đã học của chương 3 . |
| <p style="text-align: center;">HÌNH HỌC PHẪNG</p> <p style="text-align: center;">Chương 4: GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG (18 tiết)</p> | | | |
| 7 | Bài 1: Các góc ở vị trí đặc biệt | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt: hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh. - Nhận biết được hai góc đối đỉnh thì bằng nhau. - Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc. - Vận dụng tính chất của góc đối đỉnh và kề bù trong việc tính số đo các góc. |
| 8 | Bài 2: Tia phân giác | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tia phân giác của một góc. - Vẽ được tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập. - Tính được số đo góc nhờ định nghĩa tia phân giác của một góc. |
| 9 | Ôn tập giữa học kì I | 2 | - Hệ thống lại cho học sinh các kiến thức và các dạng bài tập cơ bản đã học từ tuần 1 đến hết tuần 8. |
| 10 | Kiểm tra giữa học kì I | 1 | - Hệ thống lại cho HS các kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 8 (cả Hình học và đại số). |
| 11 | Bài 3: Hai đường thẳng song song | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong. - Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. - Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. |
| 12 | Bài 4: Định lí và chứng minh một định lí | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế nào là một định lí. - Phân biệt được phần giả thiết và phần kết luận trong một định lí. - Nhận biết được thế nào là chứng minh một định lí. |

| | | | |
|-------------------------------------|--|---|--|
| 13 | Bài 5: Hoạt động thực hành và trải nghiệm: vẽ hai đường thẳng song song và đo góc bằng phần mềm GeoGebra | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập kĩ năng vẽ góc, đo góc, vẽ hai đường thẳng song song bằng phần mềm GeoGebra. - Ôn tập tính chất về góc tạo bởi đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thông qua đo đạc. |
| 14 | Bài tập cuối chương 4. | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống lại cho học sinh các kiến thức đã học thông qua bài tập của chương 4. |
| HỌC KỲ 2 (27 tiết) | | | |
| HÌNH HỌC PHẪNG | | | |
| Chương 8: TAM GIÁC (27 tiết) | | | |
| 15 | Bài 1: Góc và cạnh của một tam giác | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được định lí về tổng số đo ba góc trong một tam giác bằng 180°. - Nhận biết được về liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác. |
| 16 | Bài 2: Tam giác bằng nhau | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau. - Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác. - Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác vuông. |
| 17 | Bài 3: Tam giác cân | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được tam giác cân. - Giải thích được tính chất của tam giác cân. - Nhận ra các tam giác cân trong bài toán và trong thực tế. |
| 18 | Bài 4: Đường vuông góc và đường xiên | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được khái niệm đường vuông góc và đường xiên. - Nhận biết được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng. - Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại). |
| 19 | Bài 5: Đường trung trực của một đoạn thẳng | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đường trung trực của một đoạn thẳng. - Vẽ được đường trung trực của một đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập. - Nhận biết được tính chất cơ bản của đường trung trực. |

| | | | |
|----|---|---|--|
| 20 | Bài 6: Tính chất ba đường trung trực của tam giác | 2 | - Nhận biết được các đường trung trực trong tam giác. - Nhận biết được sự đồng quy của ba đường trung trực của tam giác. |
| 21 | Bài 7: Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác | 2 | - Nhận biết được các đường trung tuyến của tam giác. - Nhận biết được sự đồng quy của ba đường trung tuyến tại trọng tâm của tam giác. |
| 22 | Ôn tập giữa học kỳ II | 1 | - Hệ thống lại cho học sinh các kiến thức và các dạng bài tập cơ bản đã học từ tuần 19 đến hết tuần 26. |
| 23 | Kiểm tra giữa học kỳ II (cả Hình học và đại số). | 1 | - Hệ thống lại cho HS các kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 26 (cả Hình học và đại số). |
| 24 | Bài 8: Tính chất ba đường cao của tam giác | 2 | - Nhận biết được các đường cao của tam giác. - Nhận biết được sự đồng quy của ba đường cao tại trực tâm của tam giác. |
| 25 | Bài 9: Tính chất ba đường phân giác của tam giác | 2 | - Nhận biết được các đường phân giác của tam giác. - Nhận biết được sự đồng quy của ba đường phân giác của tam giác. |
| 26 | Bài 10: Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Làm giàn hoa tam giác để trang trí lớp học. | 1 | - Phát triển năng lực tìm trọng tâm tam giác của học sinh thông qua nhiệm vụ. - Vận dụng các kiến thức đã học về tam giác để làm ra các sản phẩm đẹp mắt vừa giúp trang trí lớp vừa hỗ trợ ôn tập toán. |
| 27 | Bài tập cuối chương 8 | 2 | - Hệ thống lại cho học sinh các kiến thức đã học của chương 8. |

PHẦN MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT (20 TIẾT)

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|---|---------------------------------------|---------|--|
| HỌC KỲ 1 (12 tiết) | | | |
| Chương 5: MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ (12 tiết) | | | |
| 1 | Bài 1: Thu thập và phân loại dữ liệu. | 2 | - Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng bảng. - Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các dữ liệu thu được. - Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản. - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở bảng dữ liệu. |
| 2 | Bài 2: Biểu đồ hình quạt tròn | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn. - Biểu diễn được dữ liệu từ bảng thống kê vào biểu đồ hình quạt tròn. - Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng biểu đồ hình quạt tròn. - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng biểu đồ hình quạt tròn. |
| 3 | Bài 3: Biểu đồ đoạn thẳng | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ đoạn thẳng. - Biểu diễn được dữ liệu từ bảng thống kê vào biểu đồ đoạn thẳng. - Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng biểu đồ đoạn thẳng. - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng biểu đồ đoạn thẳng. |
| 4 | Bài 4: Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Dùng biểu đồ để phân tích kết quả học tập môn toán của lớp | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức thống kê vào việc thu thập, phân loại và biểu diễn dữ liệu trong các tình huống thực tiễn. - Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các dữ liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn, biểu đồ đoạn thẳng. |
| 5 | Bài tập cuối chương 5. | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống lại cho học sinh các kiến thức đã học trong chương 5. |

| | | | |
|--|--|---|---|
| 6 | Kiểm tra cuối học kì I (<i>Cả Đại số, Hình học và Một số yếu tố thống kê và xác suất</i>) | 1 | - Hệ thống lại cho HS các kiến thức đã học trong HKI (<i>Cả Đại số, Hình học và Một số yếu tố thống kê và xác suất</i>) |
| HỌC KỲ 2 (8 tiết) | | | |
| Chương 9: MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT (8 tiết) | | | |
| 7 | Bài 1: Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. | 2 | - Xác định được một biến cố xảy ra hay không xảy ra sau khi biết kết quả của phép thử. - Xác định được biến cố chắc chắn, biến cố không thể và biến cố ngẫu nhiên. |
| 8 | Bài 2: Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên | 3 | - So sánh được xác suất của các biến cố trong một số trường hợp đơn giản. - Tính được xác suất của một số biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. |
| 9 | Bài 3: Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Nhảy theo xúc xắc. | 1 | - Làm quen với các khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên trong một trò chơi đơn giản. - Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một trò chơi. |
| 10 | Bài tập cuối chương 9 | 2 | - Hệ thống lại các kiến thức đã học trong chương 9 thông qua các bài tập đơn giản và thực tiễn. |

2. Kiểm tra, đánh giá định kì

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
|------------------------|-----------|------------|---|---|
| Giữa Học kì 1 | 90 phút | Tuần thứ 9 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương 1, chương 3 và chương 4 (bài 1,2). | Thi viết trên giấy(tập trung toàn khối) |

| | | | | |
|---------------|---------|-------------|---|--|
| Cuối Học kì 1 | 90 phút | Tuần thứ 18 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt chương 2, chương 4 (bài 3, 4,5) và chương 5. | Thi viết trên giấy (tập trung toàn khối) |
| Giữa Học kì 2 | 90 phút | Tuần thứ 27 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương 6 và chương 8 (bài 1 => 6). | Thi viết trên giấy (tập trung toàn khối) |
| Cuối Học kì 2 | 90 phút | Tuần thứ 35 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt chương 7, chương 8 (bài 7,8,9,10) và chương 9. | Thi viết trên giấy (tập trung toàn khối) |

II. Nhiệm vụ khác (nếu có) (Bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức hoạt động giáo dục)

- Sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học .
- Sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch PGD (dự các chuyên đề PGD).
- Mở các chuyên đề cấp tổ.

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



PHẠM THỊ KHÁNH HỒNG

...., ngày tháng năm 2023
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGUYỄN TÁ HÙNG